

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+AMD	7:25	18+4	0+0		6+16	0+0	
2		P4+P3+P7	7:25	13+4+5	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
3		CTK3+P1	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
4		P4+P2+RP3	7:25	13+9+0	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
5		TTC2+P8+P4	9:25	0+1+14	0+0+0		3+0+19	0+0+0	Chuyen 4 TTC2 P8
6		BK8+P5+P4	9:25	3+15+2	0+0+0		0+16+6	0+0+0	Chuyen 4 P5- P4
7		P3+P1	9:25	12+10	0+0		9+12	0+0	
8		AMD+TGTH5+HSD	11:25	11+4+4	0+0+0		10+4+8	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2022	TO: P7 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinh - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAGIROV M. S.	P7	79	1	8	40	70	KH-THAC	Russian
2	BUI THE DIEN	P7	70	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MANH CUONG	P7	69	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VAN SON	P7	72-73	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIEN HIEP	P7	54	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CONG LAN	P7	76	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC SON	P7	74	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH VAN PHUONG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRONG NGHIA	P7	75	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM DANG GIANG	P7	71	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	P7	85	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HONG GIANG	P7	78	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HOAI THANH	P7	77	1	7		70	YTE	Vietnamese
14	PHAM THE QUANG	P7	53	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TRUNG	P7	46	1	14		71	KH-THAC	Vietnamese
16	VU THAI THANH	P7	47-48	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TIEP	P7	49-50	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DAI NGHIA	AMD	22	1	8	60	70	HLJOC	Vietnamese
19	PHAM TUAN HA	AMD	24	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG THE HIEN	AMD	23	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
21	DOAN TAN TRI	AMD	21	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	17	19	135	1.172	40	6		
2	AMD	4	4	29	284	60	16		
TOTAL		21	23	164	1.456	100	22		
WEIGHT KG				164	1.456	100			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: P4 - P3 - P7	CREW: XHOÀN - VThắng - MQUÂN - Tú	ETA: 09:15
CAM-1			

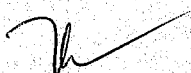
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV M. M.	P4	04	1	7		80	KH-THAC	Russian
2	VLASOV A. M.	P4				40	90	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	05-06	2	18	15	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	P4	09	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO AN	P4	02	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TUẤN	P4	12	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN CHIẾN	P4	13	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TÂM THUY	P4	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HAI	P4	07	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	P4	03	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HẬU	P4	10	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM VĂN PHÚC	P4	11	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P3	32	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P3				10	60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGOC ANH CHIẾN	P3	33	1	7	15	70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM TUẤN KHAI	P3	34	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7	26	1	3		65	PSV	Vietnamese
19	LÊ HỮU LONG	P7	24	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HAI TRUNG	P7				20	65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	P7	27	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU DUNG	P7	25	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

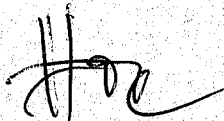
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	13	86	996	55	0		
2	P3	4	3	19	247	25	6		
3	P7	5	4	17	338	20	16		
TOTAL		22	20	122	1.581	100	22		
WEIGHT KG				122	1.581	100			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

A

DATE: 20/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - P1	CREW: VTHU - Hạnh - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN HÙNG	CTK3	36	1	5	33	70	ALFA LAV	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TÙNG	P1	42	1	5	60	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	31	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN THẮNG	P1	39	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN THẮNG	P1	32	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HAI	P1	45	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P1	35	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
9	VI KHẮC THANH	P1	40	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
10	LUU VĂN TUẤN	P1	41	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUY NGHIỆP	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	34	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TỰ	P1	95	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HỮU CHUNG	P1	36	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG TIẾN	P1	43	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	44	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	30	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO ĐĂNG PHONG	P1	46	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	37	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	P1	38	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ MINH HIẾU	P1	33	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	5	70	33	0		
2	P1	21	18	93	1.438	60	22		
TOTAL		22	19	98	1.508	93	22		
WEIGHT KG				98	1.508	93			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

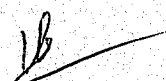
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2022	TO: P4 - P2 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Dương - TUYỀN - Vũ	ETA: 09:20
VANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG KHẮC DU	P4	75	1	5	40	72	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THANH CAM	P4	67-68	2	6		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG THANH	P4	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN TOÀN	P4	76	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM XUAN HAI	P4	73	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	P4	66	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG TINH	P4	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HUNG	P4	74	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUNG BAY	P4	70	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU THANH	P4	71	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC XUAN	P4	77-78	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN TUẤN	P4	62-63	2	16		84	XAY LAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THUONG	P4	60-61	2	17		65	XAY LAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LAM	P2	69	1	7	16	94	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY KHANG	P2	68	1	5	13	82	YTE	Vietnamese
16	PHẠM THANH HUNG	P2	65	1	4		62	PSV	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC CUONG	P2	74	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	MAI MINH TIEN	P2	67	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	NGÔ ĐỨC CUONG	P2	66	1	7		70	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN HIỆP THO	P2	70	1	4	52	71	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYEN THANH PHONG	P2	73	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
22	NGUYEN ANH VIET	P2	71-72	2	11		60	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	17	98	880	40	6		
2	P2	9	10	57	642	81	11		
3	RP3	0	0	0	0	15	5		
TOTAL		22	27	155	1.522	136	22		
WEIGHT KG				155	1.522	136			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

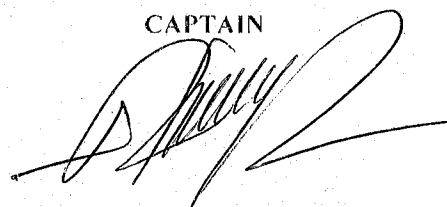
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	TO: TTC2 - P8 - P4	CREW: TTrung - VLin - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P8	27	1	4		65	PSV	Vietnamese
2	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	P4	50	1	10	8	60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	40	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ DANH NGỌC	P4	47-48	2	22		80	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN NAM	P4	45-46	2	24		80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHÚC HIỂN	P4	53-54	2	17		86	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẦN VĂN HẠNH	P4	43-44	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	P4	51-52	2	27		85	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG BA ĐIỀU	P4	56	1	5		56	YTE	Vietnamese
10	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	42	1	9		77	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN NAM	P4	57	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH	P4	49	1	7		77	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	55	1	4		54	PSV	Vietnamese
14	LƯU ĐÌNH THAI	P4	58	1	5		55	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	P4	59	1	4		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	40	374		CHUYEN 4 PAX TTC2-P8
2	P8	1	1	4	65	0	0		
3	P4	14	19	169	969	8	19		
TOTAL		15	20	173	1.034	48	22		
WEIGHT KG				173	1.034	48			

GRAND TOAL: 1.255 KGS

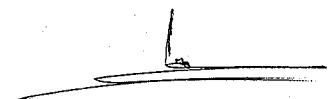
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2022	TO: BK8 - P5 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng -	ETA: 11:15
CAM-2		MQUÂN - Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	BK8	39	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH QUANG	BK8	40-41	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE XUÂN HIẾN	BK8	38	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	55	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	62	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔNG XUÂN SINH	P5	56	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	47	1	5	20	82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH TÚ	P5	54	1	5	15	78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG VĂN THANH	P5	48	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CAO MẠNH	P5	53	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KIM THẠCH	P5	63-64	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P5	51-52	2	14		65	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	57	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ KHÁC ĐA	P5	45	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO XUÂN THANH	P5	49	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN LƯU	P5	44	1	5		52	PSV	Vietnamese
19	HA VAN NIEM	P4	40	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	39	1	7		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	3	4	40	197	0	0		CHUYỂN 4 PAX P5-P4
2	P5	15	17	88	1.024	35	16	4	
3	P4	2	2	12	122	0	6		
TOTAL		20	23	140	1.343	35	22		
WEIGHT KG				140	1.343	35			

GRAND TOAL: 1.518 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P3 - P1	CREW: Dương - TUYỀN - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	46	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ KHAI ĐẠT	P3	47-48	2	13		93	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI BẢO	P3	39	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
4	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	40	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG THANH	P3	45	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG THÈ VINH	P3	51-52	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HUY MẠNH	P3	49	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÈ HẠNH	P3	50	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LONG	P3	53	1	14		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC DOANH	P3	41	1	2		75	GETRACO	Vietnamese
11	VŨ VIỆT SƠN	P3	44	1	7		60	GETRACO	Vietnamese
12	ĐÌNH SÔNG HẢI	P3	42-43	2	18		54	YTE	Vietnamese
13	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ QUANG ANH	P1	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÃN	P1	62-63	2	7		113	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TỈNH	P1	70	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KÝ	P1	64-65	2	14		68	YTE	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	68	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	LÊ HỒNG MINH	P1	66	1	6		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	P1					60	PSV	Vietnamese
21	PHAN SỸ HOÀN	P1	67	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	NG THỊ KIM TUYỀN	P1	59-60	2	15		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	15	108	859	0	9		
2	P1	10	12	70	706	0	12		
TOTAL		22	27	178	1.565	0	21		
WEIGHT KG				178	1.565	0			

GRAND TOTAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2022	TO: AMD - TGTH5 - HSD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HIEN	AMD	52	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VIET THANG	AMD	45	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TANG VAN BA	AMD	44	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	40-41	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CHUÔNG	AMD	46	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	39	1	15	50	55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DOANH	AMD	47-48	2	11		64	PSV	Vietnamese
8	NGO BA THANH	AMD	43	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG THANH	AMD	53-54	2	16		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CAN	AMD	38	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU HUU CHINH	AMD	42	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG VIỆT	TGTH5	31	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	30	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUNG HIU	TGTH5	26-27	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TAN ANH ĐỨC	TGTH5	28-29	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HY TAC SANG	HSD	53-54	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
17	TRUONG ĐỨC HUNG	HSD	52	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LE CHI CUONG	HSD	50-51	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THU	HSD	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	14	99	722	50	10		
2	TGTH5	4	6	39	270	0	4		
3	HSD	4	6	38	278	0	8		
TOTAL		19	26	176	1.270	50	22		
WEIGHT KG				176	1.270	50			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

